

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 708/2019/TLST-DS ngày 01/11/2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

Xét, bà Hồ Thị Diệu T (đồng thời là người đại diện theo pháp luật của trẻ Mai Hồ A, sinh năm 2003) có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương và có đơn xin miễn, giảm án phí, nên giảm cho bà T 50% số tiền án phí phải nộp. Trẻ Mai Hồ B, sinh năm 2006 (do bà Hồ Thị Diệu T là người đại diện theo pháp luật) là trẻ em, nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Mai Quốc V**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số 39/4/46B J, Phường 17, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1955; Địa chỉ: 109 I, Phường 2, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 12/9/2019 lập tại Văn phòng Công chứng Văn Thị Mỹ Đức, số 007981, quyển số 09).

Đồng Bị đơn:

- Bà Hồ Thị Diệu T, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số 60/1 H, Khu phố 4, phường ĐHT, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Thị Diệu T: Ông Võ Quang C, sinh năm 1975; Địa chỉ: 656 L, Tổ 8, Khu phố 4, phường HBP, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 30/12/2019 lập tại Văn phòng Công chứng Tô Khắc Việt, số 015192, quyển số 12).

- **Trẻ Mai Hồ A**, sinh năm 2003;

- **Trẻ Mai Hồ B**, sinh năm 2006.

Người đại diện theo pháp luật của trẻ Mai Hồ A và trẻ Mai Hồ B: Bà Hồ Thị Diệu T, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Số 60/1 H, Khu phố 4, phường ĐHT, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng Thương mại cổ phần X.

Địa chỉ: Số 201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà K.G, sinh năm 1992; Địa chỉ liên lạc: 26A N, Phường 6, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền số 0131/2020/NHNA-P.NHUAN ngày 13/1/2020).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác định $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất số 60/1 Khu phố 4, phường ĐHT, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CO 363425 (số vào sổ CS 05169), CO 363426 (số vào sổ CS 05170) và số CO 363427 (số vào sổ CS 05171) cùng do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/7/2019 cho 03 người đồng sở hữu gồm bà Hồ Thị Diệu T và 2 con là Mai Hồ A và Mai Hồ B (do bà T là người đại diện theo pháp luật)) là di sản thừa kế của ông Mai Văn S. $\frac{1}{2}$ giá trị nhà, đất còn lại thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Hồ Thị Diệu T. Tổng giá trị nhà, đất này là: 4.000.000.000 (bốn tỷ) đồng.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Mai Văn S gồm: bà Hồ Thị Diệu T, ông Mai Quốc V, trẻ Mai Hồ A và trẻ Mai Hồ B (do bà Hồ Thị Diệu T là người đại diện theo pháp luật).

2.2. Di sản thừa kế của ông Mai Văn S có giá trị tương đương 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng được chia:

- Ông Mai Quốc V được nhận số tiền: 557.142.000 (năm trăm năm mươi bảy triệu một trăm bốn mươi hai nghìn) đồng (tương đương 27,85% di sản thừa kế);

- Giá trị còn lại trong di sản thừa kế của ông Mai Văn S (tương đương số tiền 1.442.858.000 đồng) được chia cho bà Hồ Thị Diệu T trẻ Mai Hồ A và trẻ Mai Hồ B (do bà Hồ Thị Diệu T là người đại diện theo pháp luật).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hồ Thị Diệu T, trẻ Mai Hồ A và trẻ Mai Hồ B (do bà Hồ Thị Diệu T là người đại diện theo pháp luật) không yêu cầu Tòa án xác định kỹ phần thừa kế mà bà T, trẻ A và trẻ B được nhận từ di sản thừa kế của ông Mai Văn S.

2.3. Bà Hồ Thị Diệu T có nghĩa vụ trả cho ông Mai Quốc V số tiền: 557.142.000 (năm trăm năm mươi bảy triệu một trăm bốn mươi hai nghìn) đồng (tương đương 27,85% di sản thừa kế) là kỹ phần thừa kế mà ông Mai Quốc V được nhận từ di sản thừa kế của ông Mai Văn S.

Các đương sự tự giao nhận với nhau số tiền này và đã thực hiện xong.

2.4. Bà Hồ Thị Diệu T, trẻ Mai Hồ A và trẻ Mai Hồ B (do bà Hồ Thị Diệu T là người đại diện theo pháp luật) được quyền sở hữu nhà, đất số 60/1 Khu phố 4, phường ĐHT, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CO 363425 (số vào sổ CS 05169), CO 363426 (số vào sổ CS 05170) và số CO 363427 (số vào sổ CS 05171) cùng do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/7/2019).

2.5. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Hồ Thị Diệu T phải nộp: 20.404.000 (hai mươi triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn) đồng;

- Ông Mai Quốc V phải nộp: 13.142.500 (mười ba triệu một trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Ông V đã nộp là: 6.250.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0024867 ngày 31/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông V còn phải nộp: 6.892.500 (sáu triệu tám trăm chín mươi hai nghìn năm trăm) đồng;

- Trẻ Mai Hồ A (do bà Hồ Thị Diệu T là người đại diện theo pháp luật) phải nộp: 5.809.500 (năm triệu tám trăm lẻ chín nghìn năm trăm) đồng;

- Trẻ Mai Hồ B, sinh năm 2006 (do bà Hồ Thị Diệu T là người đại diện theo pháp luật) là trẻ em, nên được miễn nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trịnh Thị Ánh